

Số: **229** /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **09** tháng **12** năm **2025**

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 797/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 11 năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

c) Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ NN&MT;
- Cục KTVB QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- TTTU, TTHĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Các PCVP UBND TP;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, NNMT, T.L.Khiết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân



QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Kèm theo Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết khoản 6, khoản 8 Điều 64, khoản 6 Điều 75, khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; khoản 4 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về quản lý chất thải rắn, bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan trong việc quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Quy định này không quy định về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải y tế và các loại chất thải rắn khác (trừ chất thải rắn sinh hoạt nguy hại).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Mọi tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (bao gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người nước ngoài đang cư trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng) và các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có hoạt động liên quan đến chất thải rắn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở xử lý chất thải* là cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải (kể cả hoạt động tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải).

2. *Chất thải thực phẩm, hữu cơ*: là chất thải rắn sinh hoạt có nguồn gốc từ động vật, thực vật và có đặc tính dễ phân hủy sinh học trong điều kiện tự nhiên.

3. *Quản lý chất thải* là quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải.

4. *Phân định chất thải* là quá trình phân biệt một vật chất là chất thải hay không phải là chất thải, chất thải nguy hại hay chất thải thông thường và xác

định chất thải đó thuộc một loại hoặc một nhóm chất thải nhất định với mục đích để phân loại và quản lý trên thực tế.

5. *Phân loại chất thải* là hoạt động phân tách chất thải (đã được phân định) trên thực tế nhằm chia thành các loại hoặc nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.

6. *Vận chuyển chất thải* là quá trình chở chất thải từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom, lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn

1. Coi chất thải là tài nguyên; thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn, tăng cường quản lý chất thải rắn, thực hiện đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn.

2. Việc quản lý chất thải rắn nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Mọi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm thực hiện các quy định vệ sinh môi trường, giữ gìn vệ sinh khu vực làm việc, nơi công cộng, nơi cư trú; thực hiện giảm thiểu các loại chất thải phát sinh; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng; chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt đúng thời gian, đúng nơi quy định.

4. Khuyến khích việc xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn hiện đại, thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất thải rắn.

5. Ngoài việc thực hiện Quy định này, việc thực hiện quản lý chất thải rắn phải tuân theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 5. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt là CTRSH) phải được phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý như sau:

- a) Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế.
- b) Chất thải thực phẩm, hữu cơ.

- c) Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại.
- d) Chất thải công kênh.
- đ) Chất thải sinh hoạt khác còn lại.

2. Khuyến khích việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt nguy hại. Việc lưu trữ, vận chuyển, xử lý CTRSH nguy hại được thực hiện theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3. Tiêu chí phân loại đạt là: Hỗn hợp nhóm chất thải thực phẩm, hữu cơ hoặc nhóm chất thải khác còn lại được xem là phân loại đạt khi thành phần chất thải thực phẩm, hữu cơ hoặc thành phần chất thải khác còn lại lần dưới 10% khối lượng chất thải khác (hoặc tỷ lệ khác theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Điều 6. Lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt

1. CTRSH tại nguồn sau phân loại phải được lưu chứa trong bao bì (túi) hoặc thiết bị lưu giữ (thùng) riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết loại chất thải hoặc theo các quy định hiện hành của pháp luật. Bao bì (túi), thiết bị lưu giữ (thùng) CTRSH sau phân loại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm, không làm rò rỉ nước rỉ rác và có kích thước phù hợp với lượng chất thải, thời gian lưu giữ.

b) Bao bì (túi) phải được buộc kín, thiết bị lưu giữ (thùng) phải có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi.

c) Khuyến khích sử dụng túi ni lông phân hủy sinh học, bao bì thân thiện môi trường để thay thế các túi ni lông khó phân hủy để chứa CTRSH sau phân loại.

d) Thực hiện loại bỏ túi nilong, bao bì đựng trước khi đưa vào bao bì, thiết bị lưu giữ chung đựng chất thải thực phẩm, hữu cơ; bên trong bao bì (túi) hoặc thiết bị lưu giữ (thùng) đựng chất thải thực phẩm, hữu cơ không được lẫn túi nilong, bao bì khác. Khuyến khích một số hộ gia đình liền kề sử dụng chung một thùng chứa chất thải thực phẩm, hữu cơ.

2. Chủ đầu tư thực hiện xây dựng toà nhà cao tầng, khu chung cư, khu trung tâm thương mại kết hợp chung cư, khu trung tâm thương mại phải bố trí trong khuôn viên khu vực lưu chứa các loại CTRSH sau phân loại (bao gồm cả CTRSH nguy hại) đảm bảo thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân sinh hoạt tại các khu trên.

3. Chất thải rắn công kênh không thể tái sử dụng trực tiếp, cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải có trách nhiệm sắp xếp gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường để chuyển giao cho cơ sở thu gom hoặc tự vận chuyển đến nơi tiếp nhận

(điểm tập kết, trạm trung chuyển CTRSH hoặc điểm tiếp nhận, xử lý chất thải rắn công kênh).

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ trì cùng đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH xác định, bố trí ít nhất 01 (một) điểm tập kết trên địa bàn (có mái che đảm bảo che nắng, che mưa) tiếp nhận để lưu giữ chất thải công kênh phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân; thông báo số điện thoại liên hệ của đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH để các hộ gia đình, cá nhân biết, chủ động liên hệ, chuyển giao khi phát sinh chất thải rắn công kênh.

5. Về lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực công cộng

a) Tại công viên, khu vui chơi, giải trí, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và những nơi phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người phải bố trí các thiết bị lưu chứa CTRSH có dán nhãn trên nắp thùng, trên thân thùng bằng chữ in cho 3 nhóm: chất thải có thể tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm, hữu cơ và chất thải sinh hoạt khác còn lại. Khuyến khích bổ sung các chữ nhỏ hoặc hình ảnh liệt kê cơ bản các loại chất thải rắn sinh hoạt bên dưới các chữ chất thải có thể tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm, hữu cơ và chất thải sinh hoạt khác còn lại để thuận tiện cho việc người dân phân loại vào các thùng rác.

b) Các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và trật tự giao thông.

c) Vị trí, khu vực bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại tại khu vực công cộng do Ủy ban nhân dân cấp xã xác định, đảm bảo thuận tiện cho công tác thu gom, lưu giữ.

6. Quy định màu sắc của bao bì, thiết bị đựng CTRSH sau phân loại như sau:

a) Màu xanh lá cây: sử dụng chứa rác thải thực phẩm, hữu cơ.

b) Màu trắng, trong suốt: sử dụng chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế.

c) Màu xám: sử dụng chứa rác thải sinh hoạt khác còn lại. Cơ quan, tổ chức, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đã trang bị thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại có màu vàng phải thực hiện lộ trình chuyển đổi sang màu xám trước ngày 01 tháng 01 năm 2030.

Điều 7. Thời gian, tần suất, phương thức chuyển giao, thu gom chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc chuyển giao CTRSH phải tuân thủ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các yêu cầu sau:

a) Tại các tuyến đường, ngõ xóm, khu vực quy định không cho phép để CTRSH trước nhà, cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải CTRSH phải thực hiện chuyển giao trực tiếp cho đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH trong khoảng thời gian quy định.

b) Tại tuyến đường, ngõ xóm, khu vực không thuộc điểm a khoản 1 Điều này, cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải CTRSH có thể chuyển giao trực tiếp hoặc để sẵn các bao bì, thiết bị lưu chứa CTRSH trước nhà chờ đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH đến thu gom trong khoảng thời gian quy định; khuyến khích thực hiện phương thức chuyển giao trực tiếp.

c) Khu vực để sẵn bao bì, thiết bị lưu chứa CTRSH trước nhà phải gọn gàng, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, mỹ quan, không ảnh hưởng đến giao thông khu vực.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom CTRSH để đơn vị thực hiện xây dựng quy trình thu gom phù hợp về thời gian hoạt động và hình thức thu gom rác thải trên địa bàn và thông báo với cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải khi đến lấy CTRSH và đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khoảng thời gian thu gom CTRSH thông báo với cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải: tối đa không quá 02 giờ tại địa bàn một cộng đồng dân cư.

b) Trường hợp thời gian thu gom CTRSH sau 22 giờ ngày hôm trước đến trước 5 giờ sáng ngày hôm sau, CTRSH phải đựng vào thiết bị lưu chứa (thùng) có nắp đậy kín, để tại vị trí đã thống nhất sau 22 giờ ngày hôm trước.

3. Trường hợp cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải không có điều kiện chuyển giao CTRSH cho đơn vị thu gom CTRSH theo đúng thời gian quy định hoặc tại khu vực mà phương tiện thu gom của đơn vị thu gom không thể tiếp cận thì Ủy ban nhân dân cấp xã xác định vị trí đặt thùng để lưu chứa có dung tích phù hợp, thu gom tập trung chất thải của các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải này.

4. Tần suất thu gom

a) CTRSH có khả năng tái sử dụng, tái chế: Các hộ gia đình, cá nhân chủ động chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTRSH.

b) Chất thải thực phẩm, hữu cơ: Tần suất thu gom không quá 24 giờ.

c) Chất thải sinh hoạt nguy hại: Tần suất thu gom không quá 12 tháng.

d) Chất thải cống kênh: Tần suất thu gom không quá 01 tháng.

đ) CTRSH khác còn lại: Đối với khu vực đông dân cư và trong khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, tần suất thu gom không quá 48 giờ. Đối với khu vực dân cư thưa thớt, tần suất thu gom không quá 72 giờ.

e) Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, điều kiện cung ứng dịch vụ thực tế và ý kiến của cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom CTRSH và tổ trưởng tổ dân phố, khu phố, ban quản lý chung cư, trưởng thôn, xóm xác định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom CTRSH phù hợp.

Điều 8. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc thu gom, vận chuyển CTRSH được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2. Đơn vị thu gom, vận chuyển có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, phương tiện phù hợp tổ chức thu gom, vận chuyển CTRSH đã được phân loại; hạn chế vận chuyển CTRSH trong giờ cao điểm (trừ trường hợp đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc chính quyền địa phương); không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông.

3. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển CTRSH thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Ngoài thực hiện các quy định này, yêu cầu đối với phương tiện vận chuyển CTRSH trên địa bàn thành phố như sau:

a) Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải thực phẩm, hữu cơ có biển báo được in hoa màu vàng cao ít nhất 15cm bên 2 thành phương tiện với dòng chữ: thu gom chất thải thực phẩm, hữu cơ.

b) Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt khác có biển báo được in hoa màu vàng cao ít nhất 15cm bên 2 thành phương tiện với dòng chữ: thu gom chất thải sinh hoạt khác.

c) Trường hợp phương tiện thu gom chung 2 nhóm chất thải (chất thải thực phẩm, hữu cơ và chất thải sinh hoạt khác) phải bố trí 2 ngăn chứa riêng biệt đối với 2 nhóm CTRSH sau khi phân loại, có biển báo với dòng chữ: thu gom chất thải thực phẩm, hữu cơ và thu gom chất thải sinh hoạt khác.

4. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển CTRSH thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và điểm đ khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định, bố trí điểm tập kết, trạm trung chuyển

CTRSH phải có khu vực lưu giữ CTRSH được phân loại tại nguồn, chất thải rắn công kênh và CTRSH nguy hại đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

5. Những khu vực có phát sinh CTRSH (bao gồm cả chất thải rắn công kênh và CTRSH có trộn lẫn chất thải rắn xây dựng) không đúng nơi quy định, tồn lưu nhiều ngày gây ô nhiễm môi trường hoặc mất mỹ quan khu vực thì quản lý như sau:

a) Đối với khu vực đất thuộc quyền sử dụng, quản lý của cá nhân, tổ chức: cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm quản lý CTRSH theo các quy định hiện hành; trong trường hợp để tồn đọng và phát sinh CTRSH trên các khu đất này thì phải chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý và phun xịt khử mùi (nếu cần) trong vòng 36 giờ từ khi có phản ánh hoặc yêu cầu của chính quyền địa phương.

b) Đối với khu vực đất do nhà nước quản lý: Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn quản lý tổ chức thu gom và phun xịt khử mùi (nếu cần), chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường.

Điều 9. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn tận dụng tối đa chất thải thực phẩm, hữu cơ để làm phân bón hoặc chất cải tạo đất trồng trọt, làm thức ăn chăn nuôi.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh CTRSH với khối lượng nhỏ hơn 300kg/ngày sử dụng chất thải thực phẩm, hữu cơ để làm phân bón hoặc chất cải tạo đất trồng trọt cho cây xanh trong khuôn viên của đơn vị, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý CTRSH phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tại khoản 3 và khoản 4 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định khác liên quan. Công nghệ xử lý CTRSH được lựa chọn theo các tiêu chí quy định tại Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Căn cứ công nghệ xử lý, khả năng tiếp nhận của các khu xử lý, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều phối việc xử lý CTRSH tại các khu xử lý cho phù hợp.

Điều 10. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân thành phố định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn thành phố phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế, xã hội của thành phố theo quy định pháp luật về giá.

Chương III

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG, CHẤT THẢI NHỰA, Bùn THẢI HÀM CẦU, TỰ HOẠI, Bùn THẢI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 11. Phân loại chất thải rắn xây dựng

1. Việc phân loại chất thải rắn xây dựng thông thường (viết tắt CTRXD) được phân loại theo quy định tại điểm d, đ, g khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2. Việc phân loại, lưu trữ, vận chuyển, xử lý CTRXD nguy hại được thực hiện theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; CTRXD lẫn với chất thải nguy hại khác thì phải thực hiện việc phân tách phần chất thải nguy hại, nếu không tách được thì toàn bộ chất thải lẫn đó phải được quản lý như chất thải nguy hại.

Điều 12. Thu gom, lưu trữ, vận chuyển chất thải rắn xây dựng

1. Hộ gia đình, cá nhân tại đô thị khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải có biện pháp thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD.

2. Khi tiến hành xây dựng công trình, chủ nguồn thải CTRXD phải bố trí thiết bị hoặc khu lưu trữ CTRXD trong khuôn viên công trường hoặc trạm trung chuyển, địa điểm lưu trữ theo quy định của chính quyền địa phương để đảm bảo CTRXD sau khi phân loại không được để lẫn với các chất thải khác; địa điểm lưu giữ CTRXD phải bố trí ở nơi tránh bị ngập nước, có mái che hoặc phủ bạt tránh phát tán bụi và các chất ô nhiễm khác, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh khu vực lưu giữ.

3. CTRXD phải được vận chuyển bằng các phương tiện bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định, được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành theo quy định.

4. Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi ra môi trường.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng đơn vị thu gom, vận chuyển CTRXD xác định, bố trí ít nhất 01 (một) điểm tập kết trên địa bàn tiếp nhận để lưu giữ CTRXD phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân; thông báo số điện thoại liên hệ của đơn vị thu gom, vận chuyển CTRXD để các hộ gia đình, cá nhân biết, chủ động liên hệ, chuyển giao khi phát sinh CTRXD.

6. Hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom chất thải khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng thì phải thực hiện việc tái sử dụng hoặc đổ thải theo quy định, không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối kênh rạch và các nguồn nước mặt.

Điều 13. Tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn xây dựng

1. CTRXD có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom, vận chuyển đến các cơ sở xử lý CTRXD để tái chế, tái sử dụng. Các loại CTRXD được tái chế, tái sử dụng, tùy theo tính chất và đặc điểm (thành phần), được tái sử dụng, tái chế theo mục đích sử dụng phù hợp như: Bùn đất hữu cơ dùng để trồng cây; gạch vụn, bê tông, tấm tường, gạch lát dùng để san nền.

2. CTRXD không tái chế, tái sử dụng được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để chôn lấp, xử lý tại các địa điểm đảm bảo các điều kiện về an toàn môi trường, bao gồm:

- a) Tại các khu xử lý chất thải rắn được phép tiếp nhận, xử lý CTRXD.
- b) Phân khu chức năng xử lý, tái chế CTRXD trên địa bàn thành phố đã được phê duyệt quy hoạch, bố trí khu vực xử lý, tái chế CTRXD.

3. Những nội dung khác về quản lý CTRXD không quy định tại Điều 11, Điều 12, khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Quy định này thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý chất thải rắn xây dựng

Điều 14. Quản lý chất thải nhựa

Việc quản lý chất thải nhựa thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 73 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định sau đây:

1. Hạn chế sử dụng bằng rôn, khẩu hiệu, chai, cốc, ống hút, bát, đĩa nhựa dùng một lần tại công sở và trong các hội nghị, hội thảo, cuộc họp và ngày lễ, lễ kỷ niệm và các sự kiện khác; ưu tiên lựa chọn các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.

2. Giảm dần việc sản xuất sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa, túi ni lông khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa theo lộ trình tại Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xộp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học theo quy định tại khoản 4 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện việc phân loại chất thải nhựa tại nguồn để tái sử dụng, tái chế phục vụ sản xuất hàng hóa, vật liệu xây dựng, công trình giao thông; trường hợp không thể tái chế, chất thải nhựa phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng theo quy định, không được thải bỏ vào hệ thống thoát nước, ao, hồ kênh, sông, biển.

4. Các đơn vị dịch vụ công ích thực hiện thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn có trách nhiệm bố trí nhân lực, thiết bị cho công tác phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải nhựa phát sinh từ quá trình sinh hoạt.

Điều 15. Quản lý bùn bể tự hoại, hầm cầu; bùn nạo vét hệ thống thoát nước

1. Bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2. Bùn thải phát sinh từ hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải phải được phân định. Trường hợp bùn thải có các thành phần nguy hại thì phải được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3. Đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển phải đảm bảo trang bị đầy đủ các các phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng được phép lưu hành, chứng nhận kiểm định đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định; không gây rò rỉ, phát tán bùn, mùi ra môi trường; có biện pháp xử lý sự cố trong quá trình thu gom, vận chuyển.

4. Việc chuyển giao bùn thải từ chủ nguồn thải hoặc từ đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển cho đơn vị xử lý phải được lập biên bản bàn giao, mỗi bên giữ một bản; phải phù hợp quy định về quản lý chất thải và quy định khác liên quan.

5. Bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu được xử lý tại các khu xử lý được phép tiếp nhận bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu, bùn từ hệ thống thoát nước; việc tái sử dụng, xử lý và tái sử dụng bùn thải bảo đảm các quy định về môi trường.

6. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu, bùn từ hệ thống thoát nước phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định khác liên quan.

7. Khuyến khích xử lý bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu, bùn từ hệ thống thoát nước theo công nghệ tái chế thành các sản phẩm thân thiện môi trường, tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình

1. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 60; khoản 1, 2, 4 Điều 73; khoản 1, 3, 4 Điều 75; khoản 5 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phát sinh CTRSH thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định.

4. Tăng cường tái chế, tái sử dụng, giảm thiểu chất thải rắn phát sinh; hạn chế sử dụng, giảm thiểu, phân loại, thải bỏ chất thải là sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa không phân hủy sinh học theo quy định.

5. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; lưu trữ, chuyển giao chất thải đã được phân loại đảm bảo thời gian, phương thức quy định.

6. Thải bỏ chất thải rắn phát sinh vào các thùng rác công cộng hoặc những nơi do cơ quan chức năng quy định khi có nhu cầu thải bỏ khi đang di chuyển trên đường, những nơi công cộng.

7. Phối hợp với các đơn vị liên quan kê khai, xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình phát sinh và công tác quản lý chất thải rắn theo quy định.

8. Được quyền quan sát và phản ánh với chính quyền địa phương khi phát hiện các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thực hiện không đúng theo khung thời gian, tần suất thu gom, địa điểm xử lý theo quy định

Điều 17. Quyền, trách nhiệm của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn

1. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn có trách nhiệm sau:

a) Đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH đảm bảo, thực hiện đầy đủ các điều kiện tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, khoản 4 và khoản 5 Điều 58 và Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Điều 27 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và các quy định khác liên quan.

b) Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn đáp ứng về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển riêng các nhóm chất thải rắn sau phân loại đến các điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc đến cơ sở xử lý theo quy định.

c) Quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

d) Chỉ ký hợp đồng với chủ cơ sở xử lý chất thải rắn có đủ năng lực theo quy định và đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện thống kê danh sách thông tin người thu gom, số lượng, loại phương tiện thu gom, địa bàn thu gom theo yêu cầu; lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo quy định.

e) Phối hợp với cơ quan nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát, cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

g) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị quản lý chuyên ngành tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai và giám sát hộ gia đình, chủ nguồn thải về phân loại chất thải rắn tại nguồn; về trách nhiệm quản lý chất thải rắn và nghĩa vụ nộp tiền giá dịch vụ.

h) Trường hợp hộ gia đình, chủ nguồn thải không chấp hành phân loại CTRSH tại nguồn, chuyển giao không đúng nhóm chất thải theo quy định, sau khi đã được nhắc nhở nhiều lần (03 lần trở lên/01 tuần), đơn vị thực hiện thu gom có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã biết để xử lý theo quy định.

i) Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rỉ rác ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

k) Báo cáo tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 19 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn có quyền hạn sau:

a) Được quyền từ chối tiếp nhận chất thải và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý chuyên ngành biết trong trường hợp các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải không chuyển giao chất thải rắn đúng thời gian, phương thức quy định.

b) Được thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

c) Được quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, sửa đổi bổ sung các quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và các định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải rắn.

d) Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền, trách nhiệm của cơ sở xử lý chất thải rắn

1. Cơ sở xử lý chất thải rắn có trách nhiệm sau:

a) Đảm bảo, thực hiện đầy đủ điều kiện tham gia hoạt động xử lý chất thải rắn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định khác liên quan.

b) Bố trí các khu vực tiếp nhận, xử lý riêng các nhóm chất thải rắn sau phân loại. Vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, bảo đảm khối lượng, chất lượng trong quá trình cung cấp dịch vụ theo hợp đồng ký kết.

c) Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định đối với chất thải nguy hại được phân loại từ chất thải rắn hoặc phát sinh từ cơ sở xử lý chất thải rắn.

d) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị liên quan trong trường hợp có kế hoạch ngừng dịch vụ để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp dịch vụ xử lý; nội dung thông báo phải nêu rõ lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ kèm theo phương án xử lý chất thải trong thời gian tạm ngừng này; chỉ được ngừng dịch vụ xử lý khi được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

đ) Ghi nhận các trường hợp xe vận chuyển chất thải rắn sau phân loại trên địa bàn các xã, phường, đặc khu còn bị trộn, lẫn các loại chất thải khác; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với các trường hợp trên.

e) Khi phát hiện sự cố môi trường phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản; kịp thời thông báo cho chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, chính quyền địa phương và cơ quan liên quan nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý.

g) Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý, xử lý chất thải rắn theo quy định.

h) Đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia xử lý chất thải rắn; tổ chức khám bệnh định kỳ, đảm bảo các chế độ cho người lao động tham gia xử lý chất thải rắn theo quy định.

i) Báo cáo tình hình xử lý chất thải rắn hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 19 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan.

2. Cơ sở xử lý chất thải rắn có quyền lợi sau:

a) Được thanh toán giá dịch vụ xử lý chất thải rắn theo quy định.

b) Được quyền kiểm tra các chất thải chuyển giao đến cơ sở xử lý chất

thải và từ chối tiếp nhận các loại chất thải rắn không đúng loại được phép xử lý.

c) Được quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, sửa đổi bổ sung các quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và các định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải rắn.

d) Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài các quy định trên, đơn vị được giao quản lý, vận hành bãi chôn lấp CTRSH có trách nhiệm:

a) Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại CTRSH được phân loại, thu gom, vận chuyển theo quy định.

b) Quản lý, vận hành bãi chôn lấp theo đúng quy trình công nghệ đã được chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

c) Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

d) Tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, xử lý ô nhiễm môi trường theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, chất thải nhựa, chất thải rắn xây dựng trên địa bàn thành phố.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, chất thải nhựa, chất thải rắn xây dựng, thực hiện công tác vệ sinh môi trường theo quy định.

3. Cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp CTRSH và quy trình đóng bãi chôn lấp CTRSH được giao quản lý tài sản sau khi kết thúc hoạt động.

4. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn theo thẩm quyền.

5. Tham mưu, thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn theo thẩm quyền.

6. Bố trí báo cáo viên tham dự các hội nghị triển khai công tác quản lý chất thải rắn tại các Sở, ban ngành, xã, phường, đặc khu khi có đề nghị.

7. Chịu trách nhiệm chủ trì, theo dõi, tổng hợp về chỉ tiêu thu gom, xử lý

CTRSH, chất thải nhựa, chất thải rắn xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố.
2. Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã khi triển khai đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được phê duyệt.
3. Thực hiện việc thẩm định thiết kế xây dựng, cấp phép xây dựng cho các cơ sở xử lý chất thải rắn theo phân cấp.
4. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các chủ cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố thực hiện công tác vệ sinh môi trường theo quy định.
5. Chịu trách nhiệm chủ trì, theo dõi, tổng hợp về chỉ tiêu thu gom, xử lý bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng theo quy định.
6. Thực hiện tổ chức giao thông theo quy định theo quy định của Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định pháp luật khác liên quan thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.
7. Kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, quản lý đấu thầu trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố theo quy định.
2. Chủ trì tổng hợp các dự án đầu tư trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn vào Danh mục kêu gọi đầu tư chung của thành phố trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan.
3. Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định khác có liên quan.
4. Giải quyết hoặc chủ trì tham mưu giải quyết thủ tục đầu tư đối với việc đầu tư mới, việc điều chỉnh dự án đầu tư (nâng quy mô, công suất đối với các cơ

sở sản xuất sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa, túi ni lông khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa theo lộ trình tại Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) theo quy định pháp luật về đầu tư.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí cho công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định.

6. Hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí phân loại, dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Thực hiện công tác thẩm định công nghệ, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trong các dự án đầu tư về xử lý chất thải rắn, đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố;

2. Ưu tiên các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng liên quan đến quản lý, xử lý chất thải rắn; phân loại chất thải rắn tại nguồn.

Điều 23. Trách nhiệm của Công an thành phố

1. Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường phát hiện tội phạm về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố.

2. Thực hiện trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải rắn đảm bảo đúng tải trọng theo quy định của pháp luật; xử lý đối với các phương tiện vận chuyển chất thải rắn vượt quá tải trọng theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng Hải Phòng

1. Tổ chức tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn cho các cán bộ, công nhân, người lao động hoạt động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp.

2. Triển khai, đôn đốc thực hiện kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để xây dựng phương án tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn vào chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa và giáo dục kỹ năng

sống nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và hình thành hành vi bảo vệ môi trường cho học sinh.

2. Triển khai, đôn đốc các cơ sở giáo dục thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn.

3. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các kế hoạch, chương trình về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn và các nội dung khác có liên quan.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng

1. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng các quy định về bảo vệ môi trường nói chung, công tác quản lý chất thải rắn nói riêng.

2. Xây dựng phóng sự, ghi hình, đưa tin về các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố; kịp thời đưa tin các địa phương làm tốt công tác quản lý chất thải rắn theo quy định này, đồng thời đưa tin các trường hợp bị xử lý vi phạm trong hoạt động quản lý chất thải rắn để làm gương cho đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Điều 27. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành khác

1. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải rắn theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý chất thải rắn, xử lý vi phạm theo thẩm quyền, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

3. Thường xuyên tuyên truyền, vận động bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả đến mọi người dân cùng hưởng ứng, tham gia và xã hội hóa công tác quản lý chất thải rắn.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý chất thải rắn được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 77, khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Điều 28 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Quản lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng thuộc địa bàn quản lý theo quy định.

3. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm Quy định này và các quy định khác liên quan.

4. Hằng năm xây dựng, triển khai kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và các chất thải rắn khác của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

5. Quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

6. Chỉ đạo xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực; chỉ đạo sắp xếp thời gian hoạt động của các điểm tập kết và các cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đảm bảo công tác vệ sinh môi trường.

7. Xác định, công bố danh mục vị trí các điểm tập kết CTRSH, đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; đầu tư, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn phục vụ địa bàn quản lý; bố trí các thiết bị lưu chứa, thu gom, vận chuyển CTRSH của hộ gia đình, cá nhân theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường để thu gom, phân loại đảm bảo theo Quy định này.

8. Quản lý công tác thu gom và xử lý chất thải quy mô cấp xã; khoanh vùng xử lý, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường tại các bãi rác, các điểm ô nhiễm môi trường do chất thải rắn trên địa bàn quản lý.

9. Giám sát và tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với CTRSH, chất thải nhựa, CTRXD; Sở Xây dựng đối với bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn từ hệ thống thoát nước thải) kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quản lý.

10. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc để xảy ra tình trạng phát sinh chất thải rắn của hộ gia đình, cá nhân không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý.

Điều 29. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện tuyên truyền, giám sát và phản biện xã hội đối với công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố. Tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tích cực thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Giám sát việc thực hiện tại các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; hướng dẫn Ban công tác Mặt trận phối hợp với các chi hội đoàn thể tại thôn, tổ dân phố và Nhân dân giám sát tại địa bàn dân cư./.